

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thật và ông Nguyễn Huy Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Đội N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn M tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 01/09/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc làm ăn không thuận lợi, kinh tế gặp phải nhiều khó khăn nên anh M chán nản thường xuyên uống rượu say về chửi bới đánh đập chị. Bản thân chị và gia đình anh M cũng đã nhiều lần khuyên bảo và cho anh M cơ hội để sửa chữa nhưng anh M không thay đổi; anh M thường xuyên đánh, đuổi chị. Chị cũng đã nhiều lần phải về nhà bố mẹ đẻ tại Thái Bình sinh sống, sau đó vì thương con chị lại quay về chung sống với anh M nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra bởi anh M không chịu sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ cuối năm 2012, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống, không về chung sống cùng anh M nữa. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm

dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn M để sớm ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn – anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị L tại Ủy ban nhân dân xã T huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 01/9/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc làm ăn không thuận lợi nên anh chán nản, thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị L. Bản thân chị L và gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo và cho anh cơ hội để sửa chữa nhưng anh không từ bỏ được rượu chè dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; anh có đánh, đuổi chị L và chị L đã nhiều lần đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Mỗi lần như vậy anh đến tìm thì chị lại về chung sống cùng anh nhưng do chị L vẫn giữ cách sống không chia sẻ với anh, mỗi khi vợ chồng va chạm thì chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ cuối năm 2012; chị L đã về ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ở hẳn. Lần này anh không tìm và chị L cũng không về chung sống cùng anh nữa. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị L xin ly hôn; anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn; anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn mong muốn chị L quay về chung sống với anh.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 29/9/2006. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu vẫn ở với chị L; hiện nay cháu đang học tại Trường Trung học cơ sở tại xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Ly hôn anh chị thống nhất để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, anh M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, công nợ, công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành nghiêm và thực hiện đúng định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M. Giao chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương T; anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T cho chị L. Án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Văn M, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh M có hộ khẩu thường trú và cư trú tại đội N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/9/2006 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc làm ăn không thuận lợi, kinh tế gặp phải nhiều khó khăn nên anh M sinh ra chán nản, thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đuổi chị L. Chị L và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ cuối năm 2012, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình sống, anh M không tìm đón; từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh M là có thật và xảy ra đã lâu. Bản thân chị L cũng đã kiên trì xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành; nay chị L không còn muốn chung sống với anh M nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng tại phiên tòa anh M thay đổi quan điểm, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng. Xét trên thực tế, cuộc sống chung của vợ chồng chị L, anh M đã chấm dứt từ cuối năm 2012 đến nay; cả hai vợ chồng đều không còn yêu thương nhau; mặc dù được chính quyền địa phương, gia đình phân tích, động viên; Toà án hoà giải nhiều lần nhưng đều không thành; anh M không đồng ý ly hôn chỉ với mục đích nhằm gây khó khăn cho chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án anh M có ý thức chống đối, gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án, đặc biệt là công tác hòa giải của Tòa án, do đó khả năng vợ chồng đoàn tụ là không còn; xử cho chị L ly hôn anh M là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 29/9/2006; từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay cháu vẫn ở với chị L. Hiện nay cháu đang học tại Trường Trung học cơ sở tại xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Xét việc chị L, anh M đều thống nhất để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là hoàn toàn tự nguyện; phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện nuôi con thực tế của mỗi người; đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định của cháu T và phù hợp với nguyện vọng của cháu là được tiếp tục ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của anh chị; giao cháu Nguyễn Thị

Phương T cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng; anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T cho chị L.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, công nợ, công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị L, anh M tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị L, anh M giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 29/9/2006. Anh Nguyễn Văn M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T cho chị L. Chị L và các thành viên gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2015/0002326 ngày 02/10/2018 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L phải chịu. Chị L đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị L, anh M biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện Bình Lục;
- UBND xã T, huyện B;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái

Bình

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc